

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HSST
Ngày 01-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Chí Công**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Lan**

Ông **Nguyễn Như Quang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vương Tấn Lập** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo: **Trần Đức V**, sinh ngày 16/6/1975 tại tỉnh Q; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: học lớp 09/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mạnh H (chết) và bà Trần Thị V (chết); vợ là Bùi Thị Bảo T và có 02 con; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty Cổ phần A

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đ, thành phố P, tỉnh G

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Đình T** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện ủy quyền: Ông **Trần Lâm B** – Chức vụ: Đội trưởng Đội Xí nghiệp 2/9, Đội CP1 – Chi nhánh Ia, thuộc Công ty Cổ phần A.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1978; trú tại thôn H, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (vắng mặt).

- + Ông **Đặng Đình L**, sinh năm 1984; trú tại thôn H, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (có mặt).
- + Ông **Lê Đức T**, sinh năm 1978; trú tại thôn H, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (có mặt).
- + Ông **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1971; trú tại thôn H, xã Ia, huyện Ia, tỉnh G (có mặt).
- + Ông **Cao Văn T**, sinh năm 1973; trú tại thôn H, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (có mặt).
- + Ông **Vũ Đình D**, sinh năm 1976; trú tại thôn V, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (có mặt).
- + Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960; trú tại thôn C, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 24/3/2021 Trần Đức V nảy sinh ý định trộm cắp 03 cây muồng đen của Công ty Cổ phần A tại khu vực gần lô cà phê của gia đình đang canh tác để cửa lấy gỗ làm vật dụng trong gia đình. V đã gọi điện cho anh Nguyễn Quang T để thuê anh T cửa 03 cây muồng với giá 600.000đ và anh T đồng ý. Sau đó V dẫn anh T đến khu vực lô cà phê của Công ty Cổ phần A nơi có hàng cây muồng giáp ranh với rẫy cà phê của gia đình và nói với anh T đây là cây muồng của gia đình, rồi chỉ cho anh T cửa cây muồng tại khu vực này. Khi bắt đầu cửa thì cửa bị hỏng nên anh T về sửa và hẹn đến chiều sẽ cửa. Đến 11 giờ cùng ngày, anh T nhờ thêm anh Đặng Đình L đi cửa thuê 03 cây muồng nói trên.

Đến 13 giờ cùng ngày anh T và anh L đến nhà V, sau đó V dẫn anh T và anh L đến lô cà phê trên và chỉ vị trí 03 cây muồng cần cửa hạ. Sau khi anh T và anh L cửa hạ 03 cây muồng và chia thành 04 khúc gỗ thì V điện thoại cho anh Lê Đức T để thuê anh T đến chở số gỗ cửa được về. Khi xe độ chế của anh T đến kéo được một khúc gỗ lên xe thì xe bị hỏng nên anh T không chở nữa mà lái xe về. Sau đó V gọi điện cho ông Nguyễn Chí T để thuê xe độ chế của ông T chở số gỗ muồng trên về nhà, tuy nhiên khi xe ông T vừa kéo được 04 khúc gỗ lên xe thì xe ông T cũng bị hỏng nên ông T lái xe về sửa. Đến 19 giờ 30 cùng ngày V gọi điện cho ông Cao Văn T thuê ông xe ông T chở số muồng trên về nhà ông T để sáng hôm sau chở lên xưởng gỗ T để xẻ.

Khoảng 10 giờ ngày 25/3/2021, V cùng ông T chở số gỗ trên đến xưởng gỗ T bà Nguyễn Thị T làm chủ và xẻ nhỏ thành 07 hộp gỗ và 24 tấm ván cốt pha với số tiền công là 900.000đ. Sau khi xẻ xong vì sợ bị phát hiện nên V không mang số gỗ trên về nhà mà gửi nhờ ở nhà anh Vũ Đình D.

Sau khi phát hiện 03 cây gỗ muồng bị cửa trộm, anh Trần Lâm B là Đội trưởng đội C, chi nhánh Ia thuộc Công ty cổ phần A đã trình báo lên cơ quan Công an. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ia Grai đã tiến hành xác định hiện

trường, xác định vị trí, khối lượng gỗ của 03 cây muồng đen bị chiếm đoạt là 1,442m³ gỗ và 0,153 Ster củi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự xác định: Trị giá 03 cây muồng trộm cắp là 3.556.650đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 07 hộp gỗ muồng đen và 24 tấm ván trao trả cho Công ty Cổ phần cà phê Gia Lai. Thu giữ hai chiếc náy cửa lóc màu vàng cam, nhãn hiệu Husqvarna 365 và 01 cuộn dây thừng màu trắng đỏ, dài 07m trả lại cho chủ sở hữu.

Sau khi nhận lại số gỗ muồng bị cướp, Công ty Cổ phần A không có yêu cầu bồi thường, đồng thời có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo trước đây là công nhân của Công ty.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 29/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Diễn biến tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng; lời nói sau cùng bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện VKSND huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã có hành vi trộm cắp 03 cây gỗ muồng đen của Công ty Cổ phần A trị giá 3.556.650đ. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật,

nhưng bản thân muốn chiếm đoạt gỗ cây muồng để về làm vật dụng trong nhà nên đã cố ý phạm tội. Bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn; sau khi phạm tội bị cáo đã đến xin lỗi Công ty Cổ phần A, được bị hại thông cảm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành các quy định của pháp luật và địa phương; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Do vậy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa.

[4]. Những vấn đề có liên quan:

Đối với các anh Nguyễn Quang T và Đặng Đình L là những người được bị cáo thuê cưa 03 cây muồng. Khi được Trần Đức V thuê với giá 600.000đ anh T và anh L không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với họ.

Đối với các ông Lê Đức T, Nguyễn Chí T và Cao Văn T là những người được bị cáo thuê để chở các cây muồng trộm cắp được. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh họ biết gỗ cây muồng là tài sản do bị cáo trộm cắp được nên cũng không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Vũ Đình D là hàng xóm của của Trần Đức V. Khi được V gửi nhờ số gỗ muồng đen tại nhà thì Đ đồng ý vì nghe V nói đó là số gỗ của V. Không có căn cứ chứng minh ông Đ biết đó là số gỗ do V trộm cắp mà có nên cũng không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị T là chủ cơ sở gỗ T. Gia đình bà T là cơ sở sản xuất, kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ. Tại thời điểm Trần Đức V thuê bà T xẻ, cắt gỗ muồng thì bà T không biết đó là số gỗ do V trộm cắp mà có nên cũng không có căn cứ xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên không xem xét đến.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Đức V** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.
- Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Trần Đức V 07 (*bảy*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (*mười bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Đức V cho Ủy ban nhân dân xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về án phí: Bị cáo Trần Đức V phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Công an huyện Ia Grai;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ/VP.

Đặng Chí Công